

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/HNGĐ- ST

Ngày 14- 9 - 2017

“V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Bà Lưu Thị Kim Nhung

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2017/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1996, có mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Phường Đ, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện trú tại: Thôn T, xã N, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1995, vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố Đ2, Phường Đ, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 05 tháng 6 năm 2017, bản tự khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Dương Thị L trình bày: Chị về chung sống với anh T và gia đình anh T từ tháng 06 năm 2013, nhưng không đăng ký kết hôn vì lúc đó chị chưa đủ tuổi. Ngày 14/7/2014 chị và anh T đăng kết hôn tại UBND Phường Đ, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, hôn nhân của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chị và anh T chung sống hòa thuận và hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T

không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến chị và con, đã nhiều lần chị nói chuyện và khuyên anh T nhưng không được. Tháng 5 năm 2016 chị và anh T xảy ra mâu thuẫn trầm trọng chị đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ của chị ở xã Ngọc Thanh, thị xã Phúc Yên sinh sống. Sau đó anh T có vào gặp chị và gia đình xin lỗi, hứa sẽ thay đổi nên chị có quay về nhà anh T để tiếp tục chung sống. Nhưng anh T vẫn không thay đổi, thậm chí còn chơi bời nhiều hơn. Ngày 09/5/2017 chị đã gửi đơn xin ly hôn anh T đến Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, nhưng vì anh T không đồng ý ly hôn và để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ nên chị đã rút đơn xin ly hôn. Sau khi rút đơn xin ly hôn chị và anh T vẫn không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, hai mẹ con chị vẫn sống ở nhà bố, mẹ đẻ chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Chị L xác định chị và anh T có 01 con chung là Bùi Bá K, sinh ngày 06/02/2014. Hiện nay cháu K đang ở cùng chị, ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, hiện chị đang làm ở Công ty V, thu nhập trung bình khoảng 6.000.000đ/tháng.

Về quan hệ tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt, nhưng tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn là anh Bùi Văn T trình bày: Anh xác nhận quá trình kết hôn và chung sống, thời điểm phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng và lý do mâu thuẫn như chị L trình bày là đúng. Anh T xác nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống sau đó lại quay về chung sống với anh, tháng 5 năm 2017 chị L đã làm đơn ly hôn ra Tòa án sau đó lại rút đơn về. Nhưng vợ chồng vẫn không thể tiếp tục chung sống được, nay chị L tiếp tục có đơn xin ly hôn, anh cũng không còn tình cảm với chị L nữa. Nhưng anh không muốn cháu K thiếu đi sự chăm sóc, dạy dỗ của bố hoặc mẹ, hơn nữa anh là người công giáo không muốn con chiên của mình ly hôn. Nên anh không nhất trí ly hôn mà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày, hiện nay cháu K đang ở cùng chị L. Quan điểm của anh nếu Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn, đề nghị cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị L, vì chị L đi làm có thu nhập ổn định, về quan hệ tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và

Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử

1. Cho chị Dương Thị L được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Bá K, sinh ngày 06/02/2014 cho chị Dương Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc lao động tự túc được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L; anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.

4. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 05 tháng 6 năm 2017 chị Dương Thị L, sinh năm 1996, trú tại: Thôn T, xã N, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc có đơn xin ly hôn anh Bùi Văn T, sinh năm 1995, trú tại: Tổ dân phố Đ2, Phường Đ, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Nên Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên đã thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét đơn xin ly hôn của chị Dương Thị L với anh Bùi Văn T Hội đồng xét xử thấy: Chị L và anh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND phường Đ, thị xã Phúc Yên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Trong vụ án này chị L và anh T đều xác nhận tháng 5 năm 2015 anh chị xảy ra mâu thuẫn, tháng 5 năm 2016 chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, sau đó chị L lại về sống cùng anh T, nhưng quan hệ vợ chồng vẫn không cải thiện được mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Tháng 5 năm 2017 chị L đã gửi đơn xin ly hôn anh T đến Tòa án, nhưng sau đó chị lại rút đơn về. Sau khi rút đơn xin ly hôn

chị L và anh T vẫn không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Chị L xin ly hôn, anh T xác nhận không còn tình cảm với chị L, nhưng anh không muốn con phải sống thiếu cha hoặc mẹ và anh là người công giáo con chiên không được ly hôn. Nên anh không nhất trí ly hôn chị L.

Qua xác minh tại địa phương và lời khai của bà Trần Thị S (mẹ chị L) và lời khai của ông Bùi Văn B (bố của anh T) cho thấy trong quá trình chung sống chị L và anh T có nhiều mâu thuẫn, hai bên gia đình đã hòa giải cho anh chị nhưng không được, từ tháng 5 năm 2016 chị L đã không sinh sống cùng anh T, nay chị xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh T đã không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa, chị L vẫn đề nghị giải quyết cho ly hôn anh T, anh T Tòa án đã triệu tập hợp lệ và anh có đơn xin xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy đề nghị xin ly hôn của chị L với anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về con chung: Hai bên xác định vợ chồng có 01 con chung là Bùi Bá K, sinh ngày 06/02/2014, hiện nay cháu K đang ở cùng chị L. Chị L và anh T thống nhất quan điểm ly hôn giao con cho chị L nuôi dưỡng và anh T không phải đóng góp nuôi con. Việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ. Từ lúc anh T và chị L sống ly thân nhau cho đến nay, cháu K vẫn đang sinh sống ổn định cùng chị L tại nhà bố mẹ đẻ của chị. Chị L đang ở cùng bố mẹ chị có chỗ ở ổn định và chị đang công tác Công ty V, thu nhập trung bình khoảng 6.000.000đ/tháng đủ điều kiện nuôi con. Nên ly hôn cần tiếp tục giao cháu K cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp cần chấp nhận.

Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Dương Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử

1. Cho chị Dương Thị L được ly hôn anh Bùi Văn T.
2. Về con chung: Giao cháu Bùi Bá K, sinh ngày 06/02/2014 cho chị Dương

Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc lao động tự túc được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L; anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Dương Thị L phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2014/0003124 ngày 26 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên; chị L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thị xã Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên;
- UBND phường Đ, thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lưu Thị Thúy